

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **9028** /UBND-VP

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày **11** tháng **9** năm 2018

V/v báo cáo giám sát tài chính 6 tháng đầu năm 2018 của các doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Thực hiện Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn Nhà nước.

UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu kính báo cáo Bộ Tài chính như sau:

Căn cứ:

- Báo cáo giám sát tài chính 6 tháng đầu năm 2018 của 02 doanh nghiệp do nhà nước làm chủ sở hữu, bao gồm: Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết tỉnh; Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp BR-VT.

- Báo cáo giám sát tài chính 6 tháng đầu năm 2018 của 09 doanh nghiệp có vốn nhà nước chi phối, bao gồm: Công ty CP Xây Dựng và Phát triển Đô thị tỉnh; Công ty CP Cao su Thống Nhất; Công ty CP Du lịch tỉnh; Công ty CP Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu; Công ty CP Công trình Giao thông tỉnh; Công ty CP Dịch vụ Môi trường và Công trình Đô thị Vũng Tàu; Công ty CP Dịch vụ Đô thị Bà Rịa; Công ty CP Phát triển Công viên Cây xanh và Đô thị Vũng Tàu; Công ty CP Xây dựng và Phát triển Đô thị Châu Đức.

UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu báo cáo kết quả giám sát tài chính 6 tháng đầu năm 2018 đối với các doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước.

Kính trình Bộ Tài chính xem xét./.

[Đính kèm:

- Báo cáo kết quả giám sát tài chính đối với các doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;
- Biểu số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính;
- Biểu Tổng hợp báo cáo kết quả giám sát tài chính các doanh nghiệp có vốn nhà nước.]

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTr.Tỉnh ủy (để b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các sở: TC, KH&ĐT, NV, LĐ-TBXH, GTVT, NN&PTNT, DL, XD;
- Lưu: VT, TH.

(3)



KI CHỮ TỊCH
CHỖ CHỮ TỊCH

Nguyễn Thành Long

BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÀI CHÍNH

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm 2018

TT	Tên doanh nghiệp	Doanh thu (triệu đồng)	Lợi nhuận Thực hiện (triệu đồng)	Nộp ngân sách (triệu đồng)	Có dấu hiệu mất an toàn về tài chính	Ghi chú
	Công ty TNHH MTV độc lập					
1	Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	1.663.222	258.404	822.491		
2	Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Bà Rịa - Vũng Tàu	17.227	562	3.500		
	Tổng	1.680.448	258.966	825.991		

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 11 tháng 9 năm 2018



CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Long



TỔNG HỢP BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA CÁC DOANH NGHIỆP CÓ VỐN NHÀ NƯỚC

Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm 2018

(Kèm theo công văn số 9028 /UBND-VP ngày 11/ 9 /2018 của UBND tỉnh BR-VT)

TT	Tên doanh nghiệp	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Vốn góp nhà nước		Doanh thu (trồng)	Lợi nhuận thực hiện (trồng)	Lợi nhuận sau thuế (trồng)	Phải nộp ngân sách (trồng)	Ghi chú
			Giá trị	Tỷ lệ					
I	Doanh nghiệp nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ								
1	Công ty CP Phát triển Công viên cây xanh và Đô thị Vũng Tàu	34.000	20.400	60,0%	92.321	5.090	4.073	2.824	
2	Công ty CP DV Môi trường và Công trình đô thị Vũng Tàu	54.000	35.100	65,0%	55.069	11.552	9.225	6.878	
3	Công ty CP dịch vụ đô thị Bà Rịa	45.420	34.938	76,9%	35.466	7.068	5.655	3.036	
4	Công ty CP Xây dựng và Phát triển đô thị Châu Đức	17.420	11.520	66,1%	19.807	1.474	1.180	1.762	
5	Công ty CP Công trình Giao thông	78.000	42.310	54,2%	162.564	2.788	2.230	2.108	
6	Công ty CP dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu	164.238	130.026	79,2%	96.950	36.264	29.010	10.859	
7	Công ty CP Cao Su Thống Nhất	192.500	98.175	51,0%	40.807	18.431	17.731	3.995	
8	Công ty CP Du lịch Tỉnh BR-VT	186.445	109.784	58,9%	59.605	2.605	2.605	19.724	
9	Công ty CP XD và phát triển đô thị BR-VT	350.000	236.912	67,7%	159.126	1.986	1.302	6.237	
Tổng		1.122.022	719.164	64,1%	721.715	87.258	73.011	57.422	

BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT TỈNH BR - VT

Chủ sở hữu: UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm 2018

1. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu:

Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết tỉnh (Công ty) là doanh nghiệp do nhà nước làm chủ sở hữu 100% vốn điều lệ, vốn điều lệ tại thời điểm 30/6/2018 là 610 triệu đồng.

1.1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

a. So với kế hoạch:

Đvt: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2018		So sánh	
		Kế hoạch	thực hiện 06 tháng đầu năm	Giá trị	%
1	Doanh thu và thu nhập khác	2.982.560	1.663.222	-1.319.338	55,8%
2	Lợi nhuận sau thuế	355.882	206.703	-149.179	58,1%
3	Tổng số thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước	1.200.000	822.491	-377.509	68,5%
4	Tỷ suất lợi sau thuế/Vốn CSH	46,20%	26,83%	-19,4%	58,1%

b. So với thực hiện 6 tháng đầu năm 2018:

Đvt: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện 06 tháng đầu năm		So sánh	
		2017	2018	Giá trị	%
		1	2	3=2-1	4=2/1
I	Tài sản, nguồn vốn				
1	Tổng cộng tài sản	1.209.640	1.203.776	-5.864	99,5%
	<i>Trong đó:</i>				
	<i>Tài sản ngắn hạn</i>	<i>1.085.504</i>	<i>1.011.483</i>	<i>-74.021</i>	<i>93,2%</i>
2	Nguồn vốn chủ sở hữu	1.001.387	975.063	-26.324	97,4%
	<i>Trong đó:</i>				
	<i>Vốn CSH (MS 411+418+422)</i>	<i>770.310</i>	<i>770.310</i>	<i>0</i>	<i>100,0%</i>
3	Khoản phải thu ngắn hạn	202.520	216.967	14.447	107,1%
4	Tổng nợ phải trả	208.253,0	228.713,4	20.460	109,8%
	<i>Trong đó: Nợ phải trả ngắn hạn</i>	<i>208.213,0</i>	<i>228.493,4</i>	<i>20.280</i>	<i>109,7%</i>
5	Hàng tồn kho	7.747,0	12.093,3	4.346	156,1%
II	Kết quả hoạt động kinh doanh				

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện 06 tháng đầu năm		So sánh	
		2017	2018	Giá trị	%
1	Tổng doanh thu	1.425.039,0	1.663.221,7	238.183	116,7%
	<i>Trong đó:</i>				
	- Doanh thu hoạt động SXKD	1.412.535,8	1.650.823,7	238.288	116,9%
	- Doanh thu hoạt động tài chính	10.582,2	11.879,0	1.297	112,3%
2	Tổng chi phí	1.133.915,5	1.404.818,2	270.903	123,9%
	<i>Trong đó:</i>				
	- Chi phí hoạt động SXKD	1.133.618,2	1.404.724,5	271.106	123,9%
	- Chi phí hoạt động tài chính	0,0	0,0	0	
3	Lợi nhuận trước thuế	291.123,5	258.403,5	-32.720	88,8%
4	Chi phí thuế TNDN	58.245,5	51.700,5	-6.545	88,8%
5	Lợi nhuận sau thuế TNDN	232.878,0	206.703,0	-26.175	88,8%
III	Các chỉ tiêu phân tích				
1	Hệ số nợ / tổng tài sản	0,17	0,19	0,02	110,4%
2	Hệ số nợ / nguồn vốn CSH	0,21	0,23	0,03	112,8%
3	Tỷ suất lợi nhuận/vốn CSH	30,2%	26,8%	-3,4%	88,8%
4	Tỷ suất lợi nhuận/doanh thu	16,3%	12,4%	-3,9%	76,0%
5	Hệ số thanh toán hiện thời	5,21	4,43	-0,79	84,9%
6	Hệ số thanh toán nhanh	5,18	4,37	-0,80	84,5%
7	Hệ số bảo toàn vốn	1,00	1,00	0	100,0%

(Nguồn số liệu theo báo cáo tài chính 06 tháng năm 2018 của Công ty)

Từ bảng số liệu trên cho thấy kết quả 6 tháng đầu năm 2018:

- Tổng doanh thu thực hiện trong 6 tháng đầu năm 2018 là 1.663.221,7 triệu đồng, tăng 238.183 triệu đồng, đạt 116,7% so với cùng kỳ năm 2017. Trong đó doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh 1.650.823,7 triệu đồng, tăng 238.288 triệu đồng và đạt 116,9% so với cùng kỳ năm 2017.

Nguyên nhân doanh thu tăng so với cùng kỳ năm 2017 là do Bộ Tài chính cho phép Công ty phát hành tăng cấp vé từ 80 tỷ đồng lên 90 tỷ đồng mỗi kỳ phát hành kể từ tháng 10/2017.

- Tổng chi phí trong 06 tháng đầu năm 2018 là 1.404.818 triệu đồng, tăng 270.903 triệu đồng, bằng 123,9% so với cùng kỳ năm 2017. Nguyên nhân chi phí tăng so với cùng kỳ năm 2017 do trong năm 2018 phát hành tăng cấp vé nên tăng chi phí phát hành vé, chi phí trả thưởng, chi hoa hồng đại lý và một số chi phí dịch vụ khác.

- Lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2018 là 206.703 triệu đồng, giảm 26.175 triệu đồng bằng 88,8% so với cùng kỳ năm 2017. Nguyên nhân giảm do

trong năm 2018 chi phí trả thưởng và hoa hồng đại lý tăng cao so với cùng kỳ năm 2017 (tăng 23,9%).

1.2. Tình hình tài chính của Công ty:

- Tổng Tài sản 6 tháng đầu năm 2018 là 1.203.776 triệu đồng, giảm 5.864 triệu đồng, bằng 99,5% so với cùng kỳ năm 2017.

- Nguồn vốn chủ sở hữu của công ty là 975.063 triệu đồng, giảm 26.234 triệu đồng, bằng 97,4% so với cùng kỳ năm 2017.

- Các khoản phải thu đến ngày 30/06/2018 là 216.967 triệu đồng, tăng 14.447 triệu đồng so với cùng kỳ năm 2017. Trong đó phải thu đại lý 195.274 triệu đồng, đây là khoản nợ luân chuyển tiền bán vé số công ty cho nợ theo quy định của Bộ Tài chính và quy chế quản lý nợ, công ty không phát sinh nợ quá hạn.

- Nợ phải trả đến ngày 30/06/2018 là 228.713,4 triệu đồng, chủ yếu là các khoản nợ phải trả ngắn hạn. Trong đó thuế phải nộp 98.014,9 triệu đồng, dự phòng rủi ro trả thưởng 107.582 triệu đồng.

- Về khả năng sinh lời: Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ bằng 26,8% (giảm 3,4% so với cùng kỳ năm 2017), điều này cho thấy cứ 100 đồng vốn chủ sở hữu thì tạo ra được 26,8 đồng lợi nhuận sau thuế.

- Về khả năng thanh toán: Các hệ số về khả năng thanh toán của công ty đều lớn hơn 4, cho thấy tình hình tài chính của công ty lành mạnh, công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ phải trả.

- Về các chỉ tiêu cân đối nợ, cơ cấu tài chính, tài sản: Từ biểu số liệu về cơ cấu nguồn vốn trên cho thấy công ty có khả năng tự chủ tài chính tốt (tài sản của công ty được tài trợ chủ yếu bằng nguồn vốn chủ sở hữu, công ty không có đi vay). Kết cấu tài sản của công ty trong 6 tháng đầu năm 2018 không có biến động lớn, tương đối an toàn.

1.3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản:

- Trong 6 tháng đầu năm 2018, công ty đã thực hiện đầu tư trang bị mua sắm mới tài sản, công cụ dụng cụ, máy móc thiết bị với giá trị 7.632 triệu đồng.

- Tình hình đầu tư vào công ty con, công ty liên kết: Trong 6 tháng đầu năm 2018, công ty không có đầu tư vào công ty con, công ty liên kết.

- Tình hình huy động vốn: Trong 6 tháng đầu năm 2018, công ty không huy động vốn để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Tình hình đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp: Trong 6 tháng đầu năm 2018, Công ty không thực hiện việc đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp.

1.4. Tình hình thu nộp Ngân sách:

Trong 06 tháng đầu năm 2018 doanh nghiệp đã nộp ngân sách Nhà nước 822.491 triệu đồng đạt 68,5% so với kế hoạch giao. Trong đó thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ là 51.700,5 triệu đồng.

1.5. Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

Công ty tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế, chính sách tiền lương và các chính sách khác, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách nhà nước. Công ty lập và nộp đầy đủ, đúng hạn các báo cáo theo yêu cầu của cơ quan quản lý tài chính.

1.6. Tình hình sử dụng lao động và thu nhập của người lao động:

Doanh nghiệp đã tạo việc làm ổn định cho 127 người lao động với thu nhập bình quân 16,8 triệu đồng/người/tháng.

2. Kết luận của chủ sở hữu:

Trong 6 tháng đầu năm 2018, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên xổ số kiến thiết tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có tình hình tài chính lành mạnh, kinh doanh có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn nhà nước.

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 11 tháng 9 năm 2018



K.T. CHỦ TỊCH *[Signature]*
PHÓ CHỦ TỊCH

[Signature]
Nguyễn Thành Long

BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH
CỦA CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm 2018

1. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu:

1.1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

a. So với kế hoạch:

Đvt: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018		So sánh
		Kế hoạch	Thực hiện 6 tháng đầu năm	
		1	2	3 = 2/1
1	Doanh thu và thu nhập khác	42.744	20.054	46,92%
2	Lợi nhuận thực hiện sau thuế	4.403	1.312	29,79%
3	Tổng số thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước	3.500	1212	34,63%
4	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH	10,69%	3,25%	

b. So với thực hiện cùng kỳ năm 2017:

Đvt: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 6 tháng đầu năm		So sánh	
		2017	2018	Giá trị	%
		2		3=2-1	4=2/1
1	Tổng cộng tài sản	112.974	109.533	-3.440	96,95%
	Trong đó:				
	Tài sản ngắn hạn	15.360	11.650	-3.710	75,85%
	Tài sản dài hạn	97.614	97.884	270	100,28%
2	Nguồn vốn chủ sở hữu	39.163	40.385	1.222	103,12%
	Trong đó:				
	Vốn CSH (MS 411+418+422)	39.162	2.770	-36.392	7,07%
3	Tổng doanh thu	17.227	20.054	2.827	116,41%
	Trong đó:				
	- Doanh thu hoạt động SXKD	17.171	20.049	2.878	116,76%
	- Doanh thu hoạt động tài chính	1,4	1	0	71,43%
4	Tổng chi phí	16.665	18.392	1.728	110,37%
	Trong đó:				

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 6 tháng đầu năm		So sánh	
		2017	2018	Giá trị	%
		2		3=2-1	4=2/1
	- Chi phí hoạt động SXKD	14.926	14.666	-261	98,25%
	- Chi phí hoạt động tài chính	1.691	1.242	-449	73,44%
5	Lợi nhuận trước thuế	562	1.662	1.099	295,55%
6	Lợi nhuận sau thuế (LNST)	449	1.312	862	291,94%
7	Nợ phải thu ngắn hạn	1.339	995	-345	74,28%
8	Hàng tồn kho	13.648	10.376	-3.272	76,03%
9	Nợ phải trả ngắn hạn	39.523	34.861	-4.662	88,20%
10	Hệ số nợ/tổng tài sản	0,65	0,63		
11	Hệ số nợ/nguồn vốn CSH	1,88	1,71		
12	Tỷ suất LNST/vốn CSH	1,15%	3,25%		
13	Tỷ suất LNST/doanh thu	2,61%	6,54%		
14	Hệ số thanh toán hiện thời	0,39	0,33		
15	Hệ số thanh toán nhanh	0,04	0,04		
16	Hệ số bảo toàn vốn		0,07		

(Nguồn số liệu theo báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2018 của công ty)

Nhận xét:

Tổng doanh thu thực hiện 6 tháng năm 2018 là 20.054 triệu đồng bằng 116,41% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế 6 tháng năm 2018 là 1.312 triệu đồng, tăng 862 triệu đồng so với cùng kỳ năm 2017.

Nhìn chung, 6 tháng đầu năm 2018, Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả, tuy nhiên, lợi nhuận sau thuế thấp, chỉ đạt 29,79% so với kế hoạch chủ sở hữu giao.

1.2. Tình hình tài chính của Công ty:

- Tổng Tài sản: 6 tháng đầu năm 2018, tổng tài sản của công ty là 109.533 triệu đồng giảm 3,05% so với cùng kỳ năm 2017.

- Nguồn vốn: 6 tháng đầu năm 2018, nguồn vốn chủ sở hữu của công ty là 40.385 triệu đồng tăng 3,12% so với cùng kỳ năm 2017.

* Đánh giá tình hình tài chính thông qua tính toán một số chỉ tiêu:

STT	Chỉ tiêu	6 tháng đầu năm		Tăng (+);
		2017	2018	Giảm (-)
		1	2	3=2-1
1	Khả năng sinh lời			
	Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	2,61%	6,54%	3,93%
	Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	0,40%	1,20%	0,80%

STT	Chỉ tiêu	6 tháng đầu năm		Tăng (+);
		2017	2018	Giảm (-)
		1	2	3=2-1
	Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	1,15%	3,25%	2,10%
2	Khả năng thanh toán			
	Tổng tài sản/tổng nợ phải trả	1,53	1,58	0,05
	Tổng tài sản ngắn hạn/tổng nợ ngắn hạn	0,39	0,33	-0,05
	Tổng tiền và các khoản đầu tư ngắn hạn/tổng nợ ngắn hạn	0,39	0,02	-0,36
3	Cơ cấu tài sản			
	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	13,60%	10,64%	-2,96%
	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	86,40%	89,36%	2,96%
	Tài sản ngắn hạn/Tài sản dài hạn	15,74%	11,90%	-3,83%
4	Cơ cấu nguồn vốn			
	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	65,33%	63,13%	-2,20%
	Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	34,67%	36,87%	2,20%
	Nợ phải trả/Nguồn vốn chủ sở hữu	188,47%	171,22%	-17,25%

Nhận xét:

- Về khả năng sinh lời: Các hệ số sinh lời 6 tháng đầu năm 2018 cho thấy công ty sử dụng vốn và tài sản có hiệu quả, cụ thể: tỷ số ROS cho thấy cứ 100 đồng doanh thu thì công ty tạo ra được 6,54 đồng lợi nhuận sau thuế; Tỷ số ROA cho thấy từ 100 đồng tài sản thì công ty tạo ra được 1,2 đồng lợi nhuận sau thuế; Tỷ số ROE cho thấy công ty bỏ ra 100 đồng vốn chủ sở hữu thì tạo ra được 3,25 đồng lợi nhuận sau thuế.

- Về khả năng thanh toán: hệ số tổng tài sản ngắn hạn/tổng nợ ngắn hạn của công ty nhỏ hơn 1 vì thế Công ty có khả năng không trả hết các khoản nợ ngắn hạn đúng hạn.

- Về các chỉ tiêu cân đối nợ, cơ cấu tài chính, tài sản: Kết cấu tài sản của công ty cho thấy tài sản của công ty chủ yếu là tài sản dài hạn, tỷ trọng tài sản ngắn hạn thấp, vốn lưu động của công ty rất ít. Công ty huy động vốn kinh doanh từ các cá nhân dẫn đến số nợ phải trả nhiều hơn vốn chủ sở hữu.

1.3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản

- Tình hình đầu tư vào công ty con, công ty liên kết: 6 tháng đầu năm 2018, công ty không có đầu tư vào công ty con, công ty liên kết.

- Tình hình đầu tư tài sản: Công ty không có thực hiện đầu tư các dự án mới.

- Tình hình huy động vốn: Tổng nợ phải trả lũy kế đến ngày 30/6/2018 là 69.149 triệu đồng, bao gồm vay ngắn hạn là 30.550 triệu đồng. Công ty vay vốn để giải quyết nhu cầu vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, không chi đầu tư xây dựng cơ bản hoặc chi cho các mục đích khác.

- Tình hình đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp: Công ty không thực hiện đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp.

- Tình hình công nợ: Công nợ phải thu đến ngày 30/6/2018 là 995 triệu đồng.

- Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:

Chỉ tiêu	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Hệ số bảo toàn vốn
	(triệu đồng)	(triệu đồng)	
	1	2	3 = 1/2
Vốn chủ sở hữu, trong đó:	40.007	40.384	1,00
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	37.614	37.614	
2. Quỹ đầu tư phát triển	2.296	2.673	
3. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	97	97	

1.4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

Công ty tuân thủ (không bị xử phạt hành chính) và chấp hành các quy định về chính sách thuế, chính sách tiền lương và các chính sách khác; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách nhà nước. Công ty lập và nộp đầy đủ, đúng hạn các báo cáo theo yêu cầu của cơ quan quản lý tài chính.

2. Kết luận của chủ sở hữu:

Trong 6 tháng đầu năm 2018, Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bà Rịa - Vũng Tàu kinh doanh có hiệu quả, bảo toàn được vốn.

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 11 tháng 9 năm 2018



K. CHỦ TỊCH
CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Long

BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG VIÊN CÂY XANH VÀ ĐÔ THỊ VŨNG TÀU

Chủ sở hữu phần vốn góp nhà nước: UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm 2018

1. Thông tin chung:

Vốn điều lệ Công ty là 34.000 triệu đồng; trong đó vốn nhà nước là 20.400 triệu đồng, chiếm tỉ lệ 60% vốn điều lệ.

2. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu phần vốn góp nhà nước:

2.1. Bảng phân tích số liệu:

Đvt: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 6 tháng đầu năm		So sánh	
		2017	2018	Giá trị	%
		1	2	3=2-1	4=2/1
1	Tổng cộng tài sản	93.922	93.455	-467	99,50%
	<i>Trong đó: Tài sản ngắn hạn</i>	<i>65.331</i>	<i>67.536</i>	<i>2.205</i>	<i>103,38%</i>
2	Nguồn vốn chủ sở hữu	44.435	46.135	1.701	103,83%
	<i>Trong đó: Vốn CSH (MS 411+418+422)</i>	<i>40.270</i>	<i>41.470</i>	<i>1.200</i>	<i>102,98%</i>
3	Tổng doanh thu	92.321	96.472	4.150	104,50%
	<i>Trong đó:</i>				
	<i>- Doanh thu hoạt động SXKD</i>	<i>92.319</i>	<i>96.444</i>	<i>4.125</i>	<i>104,47%</i>
	<i>- Doanh thu hoạt động tài chính</i>	<i>2</i>	<i>8</i>	<i>5</i>	<i>328,26%</i>
4	Tổng chi phí	87.231	90.572	3.341	103,83%
	<i>Trong đó:</i>				
	<i>- Chi phí hoạt động SXKD</i>	<i>86.343</i>	<i>77.857</i>	<i>-8.486</i>	<i>90,17%</i>
	<i>- Chi phí hoạt động tài chính</i>	<i>888</i>	<i>975</i>	<i>87</i>	<i>109,83%</i>
5	Lợi nhuận trước thuế	5.090	5.900	810	115,91%
	Chi phí thuế TNDN	1.017	1.180	163	116,03%
7	Lợi nhuận sau thuế TNDN	4.073	4.720	647	115,88%
8	Nợ phải thu ngắn hạn	30.065	45.484	15.419	151,29%
9	Nợ phải trả ngắn hạn	49.488	43.820	-5.668	88,55%
10	Hàng tồn kho	31.895	4.654	-27.241	14,59%
11	Hệ số nợ/tổng tài sản	0,53	0,51		
12	Hệ số nợ/nguồn vốn CSH	1,11	1,03		
13	Tỷ suất LNST/vốn CSH	10,1%	11,4%		
14	Tỷ suất LNST/doanh thu	4,4%	4,9%		
15	Hệ số thanh toán hiện thời	1,32	1,54		
16	Hệ số thanh toán nhanh	0,68	1,44		
17	Hệ số bảo toàn vốn		1,0		

(Nguồn số liệu từ báo cáo tài chính Quý II năm 2017 và 2018 của Công ty)

2.2. Đánh giá tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp có vốn góp:

a. Tình hình tài chính:

- Tổng tài sản của Công ty tính đến hết 30/6/2018 là 93.455 triệu đồng, giảm 0.5% so với cùng kỳ năm 2017.

- Vốn chủ sở hữu là 41.470 triệu đồng.

b. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Tổng doanh thu thực hiện 6 tháng đầu năm 2018 là 96.472 triệu đồng, tăng 4,5% so với cùng kỳ năm 2017 và đạt 57,42% so với chỉ tiêu kế hoạch năm 2017.

- Lợi nhuận sau thuế thực hiện 6 tháng đầu năm 2018 là 4.720 triệu đồng, tăng 15,88% so với cùng kỳ năm 2017 và bằng 54,13% so với chỉ tiêu kế hoạch năm 2018 (chỉ tiêu là 8.720 triệu đồng).

c. Tình hình công nợ và khả năng thanh toán:

- Nợ phải thu ngắn hạn tính đến 30/6/2018 của Công ty là 45.484 triệu đồng, tăng 51,29% so với cùng kỳ năm 2017 (cùng kỳ năm 2017 là 30.65 triệu đồng).

- Nợ phải trả ngắn hạn tính đến 30/6/2018 là 43.820 triệu đồng, giảm 11,45% so với cùng kỳ năm 2017 (cùng kỳ năm 2017 là 49.488 triệu đồng).

- Hệ số thanh toán nhanh của Công ty đạt 1,44. Công ty có khả năng thanh toán nhanh các khoản nợ ngắn hạn.

- Hệ số thanh toán hiện thời của Công ty là 1,54. Điều này có nghĩa Công ty đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn.

- Hệ số nợ trên tổng tài sản của Công ty là 0,51 (có nghĩa là cứ 100 đồng đầu tư tài sản có 51 đồng đầu tư bằng nguồn vốn vay).

- Hệ số nợ trên nguồn vốn chủ sở hữu bình quân của Công ty là 1,03 nghĩa là cứ 1 đồng chủ sở hữu đưa vào kinh doanh có 1,03 đồng là nguồn chiếm dụng.

d. Tình hình thực hiện dự án đầu tư, huy động vốn:

- Dự án Chung cư Mỹ Lợi TP Mỹ Tho: Dự án được triển khai vào năm 2010 với giá trị đầu tư ban đầu khoảng 60.000 triệu đồng. Dự án này đã tạm dừng thi công từ tháng 4/2011 do các bên tham gia gặp khó khăn về vốn. Tính đến nay, dự án đã thi công được 50% giá trị công trình với tổng số tiền đã quyết toán đến ngày 31/12/2016 của dự án là 28.299 triệu đồng.

- Dự án Khu phố chợ phường 6 TP Mỹ Tho: Dự án được triển khai thi công năm 2010 với diện tích khu đất là 3,7ha, vốn đầu tư ban đầu là 102,486 tỷ đồng. Dự án này đã tạm dừng triển khai, số tiền đã giải ngân là 1.740 triệu đồng bao gồm chi phí tư vấn và công tác phí.

2.3 Đánh giá về quản lý, hiệu quả sử dụng vốn tại doanh nghiệp có vốn góp:

a. Hiệu quả sử dụng vốn và khả năng sinh lời:

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu 11,4% (có nghĩa là 100 đồng vốn chủ sở hữu bỏ ra đem lại được 11,4 đồng lợi nhuận).
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu: 4,9% (có nghĩa là 100 đồng doanh thu đem lại được 4,9 đồng lợi nhuận).

b. Tình hình thu nộp Ngân sách:

- Trong 6 tháng đầu năm 2018, Công ty có số phát sinh phải nộp ngân sách Nhà nước là 3.233 triệu đồng.
- Số đã nộp kể cả tồn đọng năm trước vào ngân sách là 3.094 triệu đồng, đạt 36,5% so với kế hoạch giao. Số còn phải nộp NSNN đến 30/06/2018 là 676 triệu đồng.

2.4 Tình hình thực hiện nghĩa vụ công ích:

Công ty có thực hiện hoạt động cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích trong lĩnh vực Quản lý chăm sóc, bảo vệ, duy tu, sửa chữa, tôn tạo và trồng mới các công viên cây xanh; theo đơn đặt hàng của nhà nước và nhận đặt hàng của các doanh nghiệp khác với doanh thu thực hiện sản phẩm, dịch vụ công ích tạm tính của nhà nước 6 tháng đầu năm 2018 là 72.475 triệu đồng chiếm tỷ trọng 75,13% tổng doanh thu thực hiện và bằng 53,68% tổng doanh thu kế hoạch thực hiện các sản phẩm, dịch vụ công ích năm 2018 đã được chủ sở hữu giao.

2.5. Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

Công ty tuân thủ (không bị xử phạt hành chính) và chấp hành các quy định về chính sách thuế, chính sách tiền lương và các chính sách khác; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách nhà nước. Công ty nộp đầy đủ báo cáo theo yêu cầu của cơ quan quản lý tài chính.

3. Kết luận của chủ sở hữu:

Trong 6 tháng đầu năm 2018 Công ty hoạt động kinh doanh có hiệu quả, tuy nhiên, nợ vay chiếm tỷ lệ lớn trong cơ cấu nguồn vốn tại doanh nghiệp.

Công ty đang trong quá trình thu hồi nợ theo tiến độ hợp đồng chuyển nhượng Dự án Chung cư Mỹ Lợi, Thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 11 tháng 9 năm 2018

KT. CHỦ TỊCH 
 **PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thành Long

BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY CP DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ VŨNG TÀU

Chủ sở hữu phần vốn góp nhà nước: UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm 2018

I. Thông tin chung:

Vốn điều lệ Công ty là 54.000 triệu đồng, trong đó vốn nhà nước là 35.100 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 65% vốn điều lệ.

II. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu phần vốn góp nhà nước:

1. Bảng phân tích số liệu:

Đvt: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện 06 tháng đầu năm		So sánh	
		2017	2018	Giá trị	%
I	Tài sản, nguồn vốn				
1	Tổng cộng tài sản	126.363	138.044	11.681	109,2%
	<i>Trong đó: Tài sản ngắn hạn</i>	<i>92.051</i>	<i>97.355</i>	<i>5.304</i>	<i>105,8%</i>
2	Nguồn vốn chủ sở hữu	94.632	95.110	478	100,5%
	<i>Trong đó: Vốn CSH (MS 411+418+422)</i>	<i>79.003</i>	<i>83.148</i>	<i>4.145</i>	<i>105,2%</i>
3	Khoản phải thu ngắn hạn	11.418	3.300	-8.118	28,9%
	<i>Trong đó: Dự phòng các khoản phải thu khó đòi</i>	<i>-</i>	<i>47</i>	<i>47</i>	<i>0,0%</i>
4	Tổng nợ phải trả	31.731	42.934	11.203	135,3%
	<i>Trong đó: Nợ phải trả ngắn hạn</i>	<i>31.731</i>	<i>42.934</i>	<i>11.203</i>	<i>135,3%</i>
5	Hàng tồn kho	5.231	4.319	-912	82,6%
II	Kết quả hoạt động kinh doanh				
1	Tổng doanh thu	60.317	55.069	-5.248	91,3%
	<i>Trong đó:</i>				
	<i>- Doanh thu hoạt động SXKD</i>	<i>58.654</i>	<i>54.096</i>	<i>-4.558</i>	<i>92,2%</i>
	<i>- Doanh thu hoạt động tài chính</i>	<i>1.538</i>	<i>911</i>	<i>-627</i>	<i>59,2%</i>
2	Tổng chi phí	47.436	43.517	-3.919	91,7%
	<i>Trong đó:</i>				
	<i>- Chi phí hoạt động SXKD</i>	<i>47.349</i>	<i>43.466</i>	<i>-3.883</i>	<i>91,8%</i>
	<i>- Chi phí hoạt động tài chính</i>	<i>1</i>	<i>9</i>	<i>8</i>	<i>879,0%</i>
3	Lợi nhuận trước thuế	12.881	11.552	-1.329	89,7%
4	Chi phí thuế TNDN	2.576	2.327	-249	90,3%
5	Lợi nhuận sau thuế TNDN (LNST)	10.305	9.225	-1.080	89,5%
III	Các chỉ tiêu phân tích				
1	Hệ số nợ/tổng tài sản	0,25	0,31	0,06	123,9%
2	Hệ số nợ/nguồn vốn CSH	0,34	0,45	0,12	134,6%
3	Tỷ suất LNST/vốn CSH	13,0%	11,1%	-1,9%	85,1%
4	Tỷ suất LNST/doanh thu	17,1%	16,8%	-0,3%	98,0%
5	Hệ số thanh toán hiện thời	2,90	2,27	-0,63	78,2%

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện 06 tháng đầu năm		So sánh	
		2017	2018	Giá trị	%
6	Hệ số thanh toán nhanh	2,74	2,17	-0,57	79,2%
7	Hệ số bảo toàn vốn	1,22	1,01	-0,22	82,2%
IV	Doanh thu thực hiện sản phẩm công ích				
1	Doanh thu công ích	49.318	50.833	1.515	103,1%
2	Tỷ lệ doanh thu công ích/Tổng doanh thu	81,8%	92,3%	0,11	112,9%

(Nguồn số liệu từ báo cáo tài chính Quý II năm 2017 và 2018 của Công ty)

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

a. Tình hình tài chính:

Tổng tài sản Công ty trong 06 tháng đầu năm 2018 là 138.044 triệu đồng, giảm 11.681 triệu đồng, bằng 109% so với cùng kỳ năm trước.

- Nguồn vốn chủ sở hữu là 95.110 triệu đồng, bằng 100,5% so với cùng kỳ năm trước.

- Nợ phải trả là 42.933 triệu đồng; trong đó thuế và các khoản nộp ngân sách là 3.161 triệu đồng, chi phí phải trả ngắn hạn là 8.596 triệu đồng (chi phí trích trước tiền lương theo kế hoạch).

- Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp là 0,45 lần nhỏ hơn 1, điều này cho thấy công ty chủ động được tài chính.

b. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Tổng doanh thu thực hiện trong 06 tháng đầu năm 2018 là 55.069 triệu đồng, giảm 5.248 triệu đồng và bằng 91,3% so với cùng kỳ năm 2017, đạt 47,5% so với kế hoạch giao. Trong đó, doanh thu của hoạt động công ích 50.833 triệu đồng chiếm 92% tổng doanh thu.

- Lợi nhuận sau thuế TNDN là 9.225 triệu đồng, giảm 1.080 triệu đồng, bằng 89,5% so với cùng kỳ năm 2017, bằng 56,8% so với kế hoạch giao.

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu 11%, giảm 1,9% so với cùng kỳ năm 2017, điều này cho thấy kết quả hoạt động của Công ty có chiều giảm so với cùng kỳ năm 2017.

- Hệ số bảo toàn vốn bằng 1,01; Công ty bảo toàn và phát triển được nguồn vốn.

Nhận xét: Kết quả hoạt động trong 06 tháng đầu năm 2018, doanh thu công ty giảm 8,7%, lợi nhuận giảm 10,5% so với cùng kỳ năm 2017, điều này cho thấy kết quả hoạt động của Công ty trong 6 tháng đầu năm 2018 giảm so với cùng kỳ năm 2017.

3. Tình hình thu nộp Ngân sách:

- Trong 06 tháng đầu năm 2018, Công ty có số phát sinh phải nộp ngân sách Nhà nước 6.878 triệu đồng đạt 49% so với kế hoạch giao. Trong đó thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ là 2.327 triệu đồng.

- Số đã nộp kể cả tồn đọng năm trước vào ngân sách là 5.742 triệu đồng. Số nợ đọng NSNN đến 30/6/2018 còn phải nộp 3.160,6 triệu đồng.

4. Tình hình thực hiện nghĩa vụ công ích:

Công ty có thực hiện hoạt động cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích trong lĩnh vực thu gom và vận chuyển rác thải theo đơn đặt hàng của nhà nước và nhận đặt hàng của các doanh nghiệp khác. Doanh thu thực hiện sản phẩm dịch vụ công ích trong 06 tháng đầu năm 2018 là 50.833 triệu đồng, tăng 1.515 triệu đồng so với cùng kỳ năm 2017, chiếm 92% tổng doanh thu trong kỳ.

5. Tình hình sử dụng lao động và thu nhập của người lao động:

Công ty đã tạo việc làm ổn định cho 468 người lao động với thu nhập bình quân 6,8 triệu đồng/người/tháng.

6. Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

Công ty chấp hành tốt các quy định về chính sách thuế, chính sách tiền lương và các chính sách khác; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, nộp đầy đủ báo cáo theo yêu cầu của Bộ Tài chính.

III. Kết luận của chủ sở hữu:

Trong 06 tháng đầu năm 2018, Công ty hoạt động kinh doanh có hiệu quả, bảo toàn và phát triển nguồn vốn, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động.

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 11 tháng 9 năm 2018



K. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Long

BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐÔ THỊ BÀ RỊA

Chủ sở hữu phần vốn góp nhà nước: UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm 2018

I. Thông tin chung

Vốn điều lệ Công ty là 45.419 triệu đồng, trong đó vốn nhà nước là 34.937 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 76,9% vốn điều lệ.

II. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu phần vốn góp nhà nước

1. Bảng phân tích số liệu

ĐVT: Triệu đồng

TT	CHỈ TIÊU	Thực hiện 6 tháng đầu năm		So sánh	
		Năm 2017	Năm 2018	Giá trị	%
1	Tổng tài sản	74.578	83.509	8.931	112,0%
	<i>Trong đó: Tài sản ngắn hạn</i>	<i>46.384</i>	<i>55.277</i>	<i>8.893</i>	<i>119,2%</i>
2	Nguồn vốn CSH (MS 410)	52.263	52.955	692	101,3%
3	Vốn chủ sở hữu (MS 411+418+422)	46.231	47.300	1.069	102,3%
4	Hàng tồn kho	18.711	13.321	-5.390	71,2%
5	Nợ phải thu	6.397	4.716	-1.681	73,7%
	<i>Trong đó: - Nợ phải thu khó đòi</i>	<i>924</i>	<i>844</i>	<i>-80</i>	<i>91,3%</i>
	<i>- Nợ phải thu ngắn hạn</i>	<i>6.397</i>	<i>4.640</i>	<i>-1.757</i>	<i>72,5%</i>
6	Nợ phải trả	21.244	29.924	8.680	140,9%
	<i>Trong đó: - Nợ phải trả quá hạn</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	
	<i>- Nợ phải trả ngắn hạn</i>	<i>21.244</i>	<i>29.924</i>	<i>8.680</i>	<i>140,9%</i>
7	Tổng doanh thu	36.060	35.466	-594	98,4%
8	Lợi nhuận trước thuế	7.539	7.068	-471	93,8%
9	Lợi nhuận sau thuế (LNST)	6.031	5.655	-376	93,8%
10	Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,28	0,36		
11	Hệ số nợ/Vốn CSH	0,46	0,63		
12	Tỷ suất LNST/VCSH (ROE)	13,05%	11,96%		
13	Tỷ suất LNST/Doanh thu (ROS)	16,72%	15,94%		
14	Hệ số thanh toán hiện thời	2,18	1,85		
15	Hệ số thanh toán nhanh	1,30	1,40		

(Nguồn số liệu theo báo cáo tài chính Quý II năm 2017, 2018 của công ty)

2. Đánh giá tình hình tài chính tại doanh nghiệp trong 6 tháng đầu năm 2018

2.1. Tình hình tài chính

- Tổng tài sản của Công ty là 83.509 triệu đồng, tăng 12% so với cùng kỳ năm 2017.

- Nợ phải thu là 4.716 triệu đồng, giảm 26,3% so với cùng kỳ năm 2017;

- Nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty là 52.955 triệu đồng, tăng 1,3% so với cùng kỳ năm 2017.

- Nợ phải trả là 29.924 triệu đồng, tăng 40,9% so với cùng kỳ năm 2017.

2.2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Tổng doanh thu thực hiện là 35.466 triệu đồng, giảm 1,6% so với cùng kỳ năm 2017 và đạt 37,3% chỉ tiêu kế hoạch giao năm 2018.

- Lợi nhuận sau là 5.655 triệu đồng, giảm 6,2% so với cùng kỳ năm 2017 và đạt 47,9% chỉ tiêu kế hoạch giao năm 2018.

2.3. Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán, cân đối nợ

- Hệ số thanh toán hiện thời của Công ty là 1,85 lần, Công ty đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn.

- Hệ số nợ trên tổng tài sản của Công ty là 0,36.

- Hệ số nợ trên nguồn vốn chủ sở hữu là 0,63.

3. Đánh giá về quản lý, hiệu quả sử dụng vốn tại doanh nghiệp

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu đạt 11,96%.

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu đạt 15,94.

4. Tình hình thực hiện nghĩa vụ công ích

Trong 06 tháng đầu năm 2018, doanh thu công ích của công ty đạt 75,8% tổng doanh thu (26.882 triệu đồng/35.466 triệu đồng).

5. Tình hình chấp hành chế độ chính sách

Công ty tuân thủ (không bị xử phạt hành chính) và chấp hành các quy định về chính sách thuế, chính sách tiền lương và các chính sách khác; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách nhà nước.

Trong 06 tháng đầu năm 2018, Công ty có số phát sinh phải nộp ngân sách Nhà nước là 1.630 triệu đồng, đạt 21,8% chỉ tiêu kế hoạch giao năm 2018.

III. Kết luận của chủ sở hữu

Trong 06 tháng đầu năm 2018, Công ty hoạt động kinh doanh có hiệu quả, bảo toàn và phát triển được vốn, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động.

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 11 tháng 9 năm 2018



K.T. CHỦ TỊCH *mmh*
PHÓ CHỦ TỊCH

ng
Nguyễn Thành Long

BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY CP XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ CHÂU ĐỨC

Chủ sở hữu phần vốn góp nhà nước: UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm 2018

I. Thông tin chung:

- Vốn điều lệ Công ty là 17.420 triệu đồng. Trong đó vốn nhà nước là 11.520 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 66,1% vốn điều lệ.

II. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu phần vốn góp nhà nước:

1. Bảng phân tích số liệu:

ĐVT: Triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện 6 tháng đầu năm		So sánh	
		2017	2018	Giá trị	%
		1	2	3=2-1	4=2/1
I	Tài sản, nguồn vốn				
1	Tổng cộng tài sản	26.905	22.210	-4.695	82,5%
	<i>Trong đó: Tài sản ngắn hạn</i>	<i>26.657</i>	<i>18.903</i>	<i>-7.754</i>	<i>70,9%</i>
2	Nguồn vốn chủ sở hữu	20.104	19.539	-565	97,2%
	<i>Trong đó: Vốn CSH (MS 411+418+422)</i>	<i>19.101</i>	<i>18.359</i>	<i>-742</i>	<i>96,1%</i>
3	Khoản phải thu ngắn hạn	5.477	5.434	-43	99,2%
4	Tổng nợ phải trả	6.801	2.671	-4.130	39,3%
	<i>Trong đó: Nợ phải trả ngắn hạn</i>	<i>6.801</i>	<i>2.671</i>	<i>-4.130</i>	<i>39,3%</i>
5	Hàng tồn kho	1.602	1.839	237	114,8%
II	Kết quả hoạt động kinh doanh				
1	Tổng doanh thu	12.201	19.807	7.606	162,3%
	<i>Trong đó:</i>				
	- Doanh thu hoạt động SXKD	11.862	19.496	7.634	164,4%
	- Doanh thu hoạt động tài chính	332	310	-22	93,6%
2	Tổng chi phí	10.875	18.333	7.458	168,6%
	<i>Trong đó:</i>				
	- Chi phí hoạt động SXKD	10.868	18.326	7.458	168,6%
	- Chi phí hoạt động tài chính	-	5	5	0,0%
3	Lợi nhuận trước thuế	1.327	1.474	147	111,1%
4	Chi phí thuế TNDN	329	295	-34	89,7%
5	Lợi nhuận sau thuế TNDN (LNST)	998	1.180	182	118,2%
III	Các chỉ tiêu phân tích				
1	Hệ số nợ/tổng tài sản	0,25	0,12	-0,13	47,6%
2	Hệ số nợ/nguồn vốn CSH	0,34	0,14	-0,20	40,4%
3	Tỷ suất LNST/vốn CSH	5,2%	6,4%	1,2%	123,0%
4	Tỷ suất LNST/doanh thu	8,2%	6,0%	-2,2%	72,8%
5	Hệ số thanh toán hiện thời	3,92	7,08	1,7%	180,6%
6	Hệ số thanh toán nhanh	3,68	6,39	2,70	173,4%
7	Hệ số bảo toàn vốn	1,00	0,96	-0,04	96,1%

(Nguồn số liệu theo báo cáo tài chính Quý II năm 2017, 2018 của công ty)

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

a. Tình hình tài chính:

- Tổng tài sản của Công ty trong 06 tháng đầu năm 2018 là 22.210 triệu đồng, giảm 4.696 triệu đồng, bằng 82,5% so với cùng kỳ năm trước.
- Nguồn vốn chủ sở hữu là 19.539 triệu đồng, bằng 97,2% so với cùng kỳ năm trước.
- Nợ phải trả là 2.671 triệu đồng, trong đó thuế và các khoản nộp ngân sách 376 triệu đồng.
- Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp là 0,14 lần nhỏ hơn 1, điều này cho thấy công ty chủ động được tài chính.

b. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Tổng doanh thu thực hiện trong 06 tháng đầu năm 2018 là 19.807 triệu đồng, tăng 7.606 triệu đồng, tăng 62,3% so với cùng kỳ năm 2017, đạt 70,7% so với kế hoạch giao. Trong đó, doanh thu của hoạt động công ích 10.500 triệu đồng chiếm 53% tổng doanh thu.
- Lợi nhuận sau thuế TNDN là 1.180 triệu đồng, tăng 18% so với cùng kỳ năm 2017, đạt 47,6% so với kế hoạch giao.
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu đạt 6,4%, tăng 1,2% so với cùng kỳ năm 2017. Điều này cho thấy kết quả hoạt động của Công ty trong 6 tháng đầu năm 2018 tốt hơn so với cùng kỳ năm 2017.
- Hệ số bảo toàn vốn bằng $0,96 < 1$, doanh nghiệp chưa bảo toàn và phát triển được nguồn vốn. Nguyên nhân, trong năm 2018 Công ty sử dụng quỹ đầu tư phát triển để sửa chữa trụ sở làm việc nên đã làm giảm nguồn vốn chủ sở hữu.

Nhận xét: Kết quả hoạt động trong 06 tháng đầu năm 2018, doanh thu công ty tăng 62,3%, lợi nhuận tăng 18% so với cùng kỳ năm 2017, điều này cho thấy kết quả hoạt động của Công ty trong 6 tháng đầu năm 2018 tốt hơn so với cùng kỳ năm 2017.

3. Tình hình thực hiện nghĩa vụ công ích:

Công ty có thực hiện hoạt động cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích trong lĩnh vực thu gom và vận chuyển rác thải theo đơn đặt hàng của nhà nước và nhận đặt hàng của các doanh nghiệp khác. Doanh thu thực hiện sản phẩm dịch vụ công ích trong 06 tháng đầu năm 2018 là 10.500 triệu đồng, chiếm 53% tổng doanh thu trong kỳ.

4. Tình hình thu nộp Ngân sách

- Trong 06 tháng đầu năm 2018 Công ty có số phát sinh phải nộp ngân sách Nhà nước 1.791 triệu đồng đạt 48% so với kế hoạch giao. Trong đó thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ là 295 triệu đồng.
- Số đã nộp kể cả tồn đọng năm trước vào ngân sách là 1.795 triệu đồng. Số nợ đọng NSNN đến 30/6/2018 còn phải nộp 351 triệu đồng.

5. Tình hình sử dụng lao động và thu nhập của người lao động

Công ty đã tạo việc làm ổn định cho 95 người lao động với thu nhập bình quân 5 triệu đồng/người/tháng.

6. Tình hình chấp hành chế độ chính sách

Công ty chấp hành tốt các quy định về chính sách thuế, chính sách tiền lương và các chính sách khác, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, nộp đầy đủ báo cáo theo yêu cầu của Bộ Tài chính.

III. Kết luận của chủ sở hữu:

Nhìn chung, trong 06 tháng đầu năm 2018, Công ty hoạt động kinh doanh có hiệu quả, bảo toàn và phát triển nguồn vốn, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động.

Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày 11 tháng 9 năm 2018



Kí CHỦ TỊCH *mmh*
PHÓ CHỦ TỊCH

ong
Nguyễn Thành Long

BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG

Chủ sở hữu phần vốn góp nhà nước: UBND TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU
Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm 2018

1. Thông tin chung

Công ty được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước sang Công ty cổ phần theo Quyết định số 4830/QĐ-UBND ngày 30/12/2008 của Chủ tịch UBND tỉnh. Công ty chính thức đăng ký hoạt động kinh doanh theo hình thức công ty cổ phần từ ngày 13/8/2009.

Vốn điều lệ: 78.000 triệu đồng, trong đó vốn góp của nhà nước là 42.310 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 54,24% vốn điều lệ.

2. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu phần vốn góp nhà nước

2.1 Bảng phân tích số liệu:

ĐVT: Triệu đồng

TT	CHỈ TIÊU	Thực hiện 6 tháng đầu năm		So sánh	
		Năm 2017	Năm 2018	Giá trị	%
1	Tổng tài sản	358.561	377.454	18.893	105,3%
	<i>Trong đó: Tài sản ngắn hạn</i>	<i>237.778</i>	<i>253.657</i>	<i>15.879</i>	<i>106,7%</i>
2	Nguồn vốn CSH (MS 410)	91.790	102.020	10.230	111,1%
3	Vốn chủ sở hữu (MS 411+418+422)	85.930	85.930	0	100,0%
4	Hàng tồn kho	60.256	75.202	14.946	124,8%
5	Nợ phải thu	175.572	200.984	25.412	114,5%
	<i>Trong đó: - Nợ phải thu khó đòi</i>	<i>1.559</i>	<i>1.871</i>	<i>312</i>	<i>120,0%</i>
	<i>- Nợ phải thu ngắn hạn</i>	<i>151.899</i>	<i>178.536</i>	<i>26.637</i>	<i>117,5%</i>
6	Nợ phải trả	266.771	275.434	8.663	103,2%
	<i>Trong đó: - Nợ phải trả ngắn hạn</i>	<i>237.478</i>	<i>260.796</i>	<i>23.318</i>	<i>109,8%</i>
7	Tổng doanh thu	186.856	162.564	-24.292	87,0%
8	Lợi nhuận trước thuế	2.950	2.788	-162	94,5%
9	Lợi nhuận sau thuế (LNST)	2.360	2.230	-130	94,5%
10	Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,744	0,73		
11	Hệ số nợ/Vốn CSH	3,105	3,205		
12	Tỷ suất LNST/VCSH (ROE)	2,75%	2,60%		
13	Tỷ suất LNST/Doanh thu (ROS)	1,26%	1,37%		
14	Hệ số thanh toán hiện thời	1,00	0,97		
15	Hệ số thanh toán nhanh	0,75	0,68		

(Nguồn số liệu theo báo cáo tài chính Quý II năm 2017, 2018 của công ty)

2.2. Đánh giá tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp 06 tháng đầu năm 2018

a. Tình hình tài chính

- Tổng Tài sản của Công ty là 377.454 triệu đồng, bằng 105,3% so với cùng kỳ năm 2017; Trong đó, tài sản ngắn hạn là 253.657 triệu đồng chiếm tỷ lệ 67,2% tổng tài sản.

- Nợ phải thu là 200.984 triệu đồng, tăng 14,5% so với cùng kỳ năm trước; trong đó, nợ phải thu khó đòi là 1.871 triệu đồng.

- Tổng số vốn chủ sở hữu là 102.020 triệu đồng, bằng 111,1% so với cùng kỳ năm 2017.

- Nợ phải trả là 275.434 triệu đồng, tăng 3,2% so với cùng kỳ năm trước.

b. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Tổng doanh thu thực hiện là 162.564 triệu đồng, bằng 87% so với cùng kỳ năm trước và đạt 40,6% so với kế hoạch giao.

- Lợi nhuận sau thuế là 2.230 triệu đồng, bằng 94,5% so với cùng kỳ năm trước và đạt 22,3% so với kế hoạch giao.

c. Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán, cân đối nợ

- Hệ số thanh toán nhanh của Công ty đạt 0,68; Công ty không có khả năng thanh toán ngay các khoản nợ ngắn hạn.

- Hệ số nợ phải trả trên tổng tài sản của Công ty là 0,73 nghĩa là cứ 100 đồng đầu tư tài sản của Công ty có 73 đồng đầu tư bằng nguồn vốn vay.

- Hệ số nợ phải trả trên nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty là 3,2 nghĩa là cứ 1 đồng chủ sở hữu đưa vào kinh doanh có 3,2 đồng là vốn huy động từ bên ngoài và vốn chiếm dụng.

2.3. Đánh giá về quản lý, hiệu quả sử dụng vốn tại doanh nghiệp

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu 2,6% (có nghĩa là 100 đồng vốn chủ sở hữu bỏ ra đem lại được 2,6 đồng lợi nhuận).

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu đạt 1,37% (có nghĩa là 100 đồng doanh thu đem lại được 1,37 đồng lợi nhuận).

2.4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách

Công ty chấp hành các quy định về chính sách thuế, chính sách tiền lương và các chính sách khác, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách nhà nước.

Trong 06 tháng đầu năm 2018, Công ty có số phát sinh phải nộp ngân sách Nhà nước đạt 2.108 triệu đồng.

3. Kết luận của chủ sở hữu

Trong 06 tháng đầu năm 2018, Công ty hoạt động kinh doanh có hiệu quả. Trong thời gian tới, Công ty cần tập trung xử lý và thu hồi vốn đầu tư các dự án trước năm 2010.

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 11 tháng 9 năm 2018



Ký, CHỮ TỊCH
CHỮ TỊCH

Nguyễn Thành Long

BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY CP DỊCH VỤ VÀ VẬN TẢI BIỂN VŨNG TÀU

Chủ sở hữu phần vốn góp nhà nước: UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm 2018

I. Thông tin chung:

Vốn điều lệ Công ty là 164.237,82 triệu đồng. Trong đó vốn của nhà nước là 130.025,6 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 79,17% vốn điều lệ.

II. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu phần vốn góp nhà nước:

1. Bảng phân tích số liệu:

ĐVT: Triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện 06 tháng đầu năm		So sánh	
		2017	2018	Giá trị	%
I	Tài sản, nguồn vốn				
1	Tổng cộng tài sản	263.306	277.293	13.987	105,3%
	<i>Trong đó: Tài sản ngắn hạn</i>	<i>159.639</i>	<i>90.716</i>	<i>-68.923</i>	<i>56,8%</i>
2	Nguồn vốn chủ sở hữu	192.840	214.769	21.929	111,4%
	<i>Trong đó: Vốn CSH (MS 411+418+422)</i>	<i>169.382</i>	<i>185.359</i>	<i>15.977</i>	<i>109,4%</i>
3	Khoản phải thu ngắn hạn	56.234	27.305	-28.929	48,6%
	<i>Trong đó: Dự phòng các khoản phải thu khó đòi</i>	<i>156</i>	<i>155</i>	<i>-1</i>	<i>99,2%</i>
4	Tổng nợ phải trả	70.466	62.524	-7.942	88,7%
	<i>Trong đó: Nợ phải trả ngắn hạn</i>	<i>70.045</i>	<i>62.804</i>	<i>-7.241</i>	<i>89,7%</i>
5	Hàng tồn kho	188	4.229	4.041	2.249,2%
II	Kết quả hoạt động kinh doanh				
1	Tổng doanh thu	85.905	96.950	11.045	112,9%
	<i>Trong đó:</i>				
	- Doanh thu hoạt động SXKD	83.221	96.263	13.042	115,7%
	- Doanh thu hoạt động tài chính	582	675	93	116,0%
2	Tổng chi phí	57.239	60.687	3.448	106,0%
	<i>Trong đó:</i>				
	- Chi phí hoạt động SXKD	55.117	55.679	562	101,0%
	- Chi phí hoạt động tài chính	-9	5.003	5.012	-55584%
3	Lợi nhuận trước thuế	28.666	36.264	7.598	126,5%
4	Chi phí thuế TNDN	5.734	7.254	1.520	126,5%
5	Lợi nhuận sau thuế TNDN (LNST)	22.932	29.010	6.078	126,5%
III	Các chỉ tiêu phân tích				
1	Hệ số nợ/tổng tài sản	0,27	0,23	-0,04	84,3%
2	Hệ số nợ/nguồn vốn CSH	0,37	0,29	-0,07	79,7%
3	Tỷ suất LNST/vốn CSH	13,5%	15,7%	2,1%	115,6%
4	Tỷ suất LNST/doanh thu	26,7%	29,9%	3,2%	112,1%
5	Hệ số thanh toán hiện thời	2,28	1,44	-0,83	63,4%
6	Hệ số thanh toán nhanh	2,28	1,38	-0,90	60,5%
7	Hệ số bảo toàn vốn	1,00	1,11	0,11	111,4%
IV	Doanh thu thực hiện sản phẩm công ích				

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện 06 tháng đầu năm		So sánh	
		2017	2018	Giá trị	%
1	Doanh thu công ích	75.300	81.038	5.738	107,6%
2	Tỷ lệ doanh thu công ích/Tổng doanh thu	87,7%	83,6%	-4,1%	95,4%

(Nguồn số liệu theo báo cáo tài chính Quý II năm 2017, 2018 của công ty)

2. Đánh giá tình hình tài chính và kết quả hoạt động SXKD:

a. Tình hình tài chính:

- Tổng tài sản Công ty trong 06 tháng đầu năm 2018 là 277.293 triệu đồng, tăng 13.987 triệu đồng, đạt 105,3% so với cùng kỳ năm 2017.

- Nguồn vốn chủ sở hữu Công ty là 214.769 triệu đồng, tăng 21.929 triệu đồng, đạt 111,4% so với cùng kỳ năm 2017.

- Nợ phải trả là 62.804 triệu đồng, giảm 7.942 triệu đồng so với cùng kỳ năm 2017. Trong đó thuế và các khoản nộp ngân sách 4.941 triệu đồng, chi phí phải trả ngắn hạn khác 36.821 triệu đồng (bao gồm phải trả cổ tức 32.847 triệu đồng).

- Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của Công ty là 0,29 lần nhỏ hơn 1, điều này cho thấy công ty chủ động được tài chính.

b. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Tổng doanh thu thực hiện trong 06 tháng đầu năm 2018 là 96.950 triệu đồng, tăng 11.045 triệu đồng, tăng 12,9% so với cùng kỳ năm 2017, đạt 53,6% so với chỉ tiêu kế hoạch giao. Trong đó, doanh thu của hoạt động công ích hoa tiêu hàng hải là 81.038 triệu đồng chiếm 83,6% tổng doanh thu.

- Lợi nhuận sau thuế TNDN là 29.009,9 triệu đồng, tăng 26,5% so với cùng kỳ năm 2017, đạt 54,9% so với kế hoạch giao.

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu 15,7%, tăng 15,6% so với cùng kỳ năm 2017 và đạt 36,4% so với kế hoạch giao.

- Hệ số bảo toàn vốn bằng 1,1; Công ty bảo toàn và phát triển được nguồn vốn.

Nhận xét: Trong 6 tháng đầu năm 2018, các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận của Công ty đều tăng cao so với cùng kỳ năm 2017.

3. Đánh giá tình hình quản lý, đầu tư sử dụng vốn:

- Đầu tư mua cổ phiếu của Công ty cổ phần đầu tư kinh doanh nhà 2.444 triệu đồng chưa mang lại hiệu quả, công ty trích dự phòng giảm giá đầu tư 1.592 triệu đồng.

- Đầu tư góp vốn vào Công ty TNHH Cảng Quốc tế Thị Vải: Trong năm 2017, Công ty tiếp tục đầu tư vào Công ty TNHH Cảng quốc tế Thị Vải, nâng giá trị đầu tư đến thời điểm hiện nay là 166.358 triệu đồng (trước đây công ty góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất 42 ha mặt đất và mặt nước trong 50 năm. Giá trị 4.612.500USD), chiếm 25,6% vốn điều lệ của Công ty TNHH cảng Quốc tế Thị Vải. Việc đầu tư vào dự án cảng Quốc tế Thị Vải chưa mang lại hiệu quả, Công ty trích dự phòng 11.949 triệu đồng.

- Trong 6 tháng đầu năm 2018, Công ty đã xin chủ trương và đã được UBND tỉnh đồng ý đầu tư đóng mới ca nô vỏ nhôm hợp kim tốc độ cao để đáp ứng yêu cầu cung ứng dịch vụ hoa tiêu ngày càng cao.

4. Tình hình thu nộp Ngân sách:

- Trong 06 tháng đầu năm 2018, Công ty có số phát sinh phải nộp ngân sách Nhà nước 11.551 triệu đồng, trong đó thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ là 7.253,8 triệu đồng.

- Số đã nộp kể cả tồn đọng năm trước vào ngân sách là 10.859 triệu đồng, bằng 45,3% so với kế hoạch giao. Số nợ đọng còn phải nộp NSNN đến 30/6/2018 là 4.941 triệu đồng.

5. Tình hình thực hiện nghĩa vụ công ích:

Doanh thu thực hiện sản phẩm dịch vụ công ích (hoạt động hoa tiêu) trong 06 tháng đầu năm là 81.038 triệu đồng chiếm 83,6% tổng doanh thu.

6. Tình hình sử dụng lao động và thu nhập của người lao động:

Công ty đã tạo việc làm ổn định cho 200 người lao động với thu nhập bình quân 24.400 triệu đồng/người/tháng.

7. Tình hình chấp hành chế độ chính sách:

Công ty chấp hành tốt các quy định về chính sách thuế, chính sách tiền lương và các chính sách khác; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, nộp đầy đủ báo cáo theo yêu cầu của Bộ Tài chính.

III. Kết luận của chủ sở hữu:

Nhìn chung, trong 06 tháng đầu năm 2018, Công ty hoạt động kinh doanh có hiệu quả, bảo toàn và phát triển nguồn vốn, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động.

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 11 tháng 9 năm 2018



K. CHỦ TỊCH
ĐÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Long

**BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÀI CHÍNH
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT**

**Chủ sở hữu phần vốn góp nhà nước: UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm 2018**

I. Thông tin chung

Vốn điều lệ: 192.500 triệu đồng, trong đó vốn nhà nước là 98.175 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 51% tổng vốn điều lệ.

II. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu phần vốn góp nhà nước

1. Bảng phân tích số liệu:

Đvt: triệu đồng

TT	CHỈ TIÊU	Thực hiện 6 tháng đầu năm		So sánh	
		Năm 2017	Năm 2018	Giá trị	%
1	Tổng tài sản	323.175	323.486	311	100,1%
	<i>Trong đó: Tài sản ngắn hạn</i>	183.816	181.252	-2.564	98,6%
2	Nguồn vốn CSH (MS 410)	307.433	306.201	-1.232	99,6%
3	Vốn chủ sở hữu (MS 411+418+422)	284.458	286.578	2.120	100,7%
4	Hàng tồn kho	13.054	7.187	-5.867	55,1%
5	Nợ phải thu	7.087	5.618	-1.469	79,3%
	<i>Trong đó: - Nợ phải thu khó đòi</i>	5.887	5.511	-376	93,6%
	<i>- Nợ phải thu ngắn hạn</i>	7.087	5.618	-1.469	79,3%
6	Nợ phải trả	17.657	17.284	-373	97,9%
	<i>Trong đó: - Nợ phải trả ngắn hạn</i>	17.657	17.284	-376	97,9%
7	Tổng doanh thu	33.479	40.807	7.328	121,9%
8	Lợi nhuận trước thuế	17.978	18.431	453	102,5%
9	Lợi nhuận sau thuế (LNST)	17.314	17.731	417	102,4%
10	Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,05	0,05		
11	Hệ số nợ/Vốn CSH	0,06	0,06		
12	Tỷ suất LNST/VCSH (ROE)	6,09%	6,19%		
13	Tỷ suất LNST/Doanh thu (ROS)	51,72%	43,45%		
14	Hệ số thanh toán hiện thời	10,41	10,49		
15	Hệ số thanh toán nhanh	9,67	10,07		

(Nguồn số liệu theo báo cáo tài chính Quý II năm 2017, 2018 của công ty)

2. Đánh giá tình hình tài chính tại doanh nghiệp có vốn góp trong 6 tháng đầu năm 2018

a. Tình hình tài chính

- Tổng tài sản của Công ty là 323.486 triệu đồng, tăng 311 triệu đồng, bằng 100,1% so với cùng kỳ năm 2017.

- Các khoản phải thu là 5.618 triệu đồng, giảm 1.469 triệu đồng, bằng 79,3% so với cùng kỳ năm 2017; trong đó, nợ phải thu khó đòi là 5.511 triệu đồng.

- Vốn chủ sở hữu của Công ty là 306.201 triệu đồng, giảm 1.232 triệu đồng, bằng 99,6% so với cùng kỳ năm 2017.

- Tổng nợ phải trả là 17.284 triệu đồng, giảm 373 triệu đồng, bằng 97,9% so với cùng kỳ năm 2017. Trong đó toàn bộ là nợ phải trả ngắn hạn.

b. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Tổng doanh thu thực hiện là 40.807 triệu đồng, tăng 7.328 triệu đồng, bằng 121,9% so với cùng kỳ năm 2017, đạt 40,8% so với kế hoạch giao.

- Lợi nhuận sau thuế TNDN là 17.731 triệu đồng, tăng 417 triệu đồng, bằng 102,4% so với cùng kỳ năm 2017, đạt 78,8% so với kế hoạch giao.

c. Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán, cân đối nợ

- Hệ số thanh toán hiện thời của công ty bằng 10,49 lần; Công ty đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn.

- Hệ số thanh toán nhanh của Công ty đạt 10,07 lần; Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn.

- Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của Công ty là 0,06 lần, điều này cho thấy trong 100 đồng Công ty đưa vào kinh doanh có 6 đồng là vốn huy động từ bên ngoài.

3. Hiệu quả sử dụng vốn và khả năng sinh lời

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu là 6,19%.

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu đạt 43,45%.

4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách

Công ty chấp hành các quy định về chính sách thuế, chính sách tiền lương và các chính sách khác, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách nhà nước.

Trong 06 tháng đầu năm 2018, Công ty có số phát sinh phải nộp ngân sách Nhà nước là 3.995 triệu đồng.

III. Kết luận của chủ sở hữu

Trong 06 tháng đầu năm 2018, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn còn nhiều khó khăn do giá cao su trên thị trường biến động không ổn định. Tuy nhiên, tập thể Công ty luôn nỗ lực phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra và đảm bảo thu nhập ổn định cuộc sống người lao động.

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 11 tháng 9 năm 2018

K. CHỦ TỊCH *Đinh*

HÓ CHỦ TỊCH



Long
Nguyễn Thành Long

**BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÀI CHÍNH
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

Chủ sở hữu phần vốn góp nhà nước: UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm 2018

I. Thông tin chung

Vốn điều lệ Công ty là 186.445 triệu đồng, trong đó vốn nhà nước là 109.784 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 58,88% vốn điều lệ.

II. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu phần vốn góp nhà nước

1. Bảng phân tích số liệu

DVT: Triệu đồng

TT	CHỈ TIÊU	Thực hiện 6 tháng đầu năm		So sánh	
		Năm 2017	Năm 2018	Giá trị	%
1	Tổng tài sản	244.115	232.727	-11.388	95,3%
	<i>Trong đó: Tài sản ngắn hạn</i>	<i>61.094</i>	<i>55.683</i>	<i>-5.411</i>	<i>91,1%</i>
2	Nguồn vốn CSH (MS 410)	166.811	163.115	-3.696	97,8%
3	Vốn chủ sở hữu (MS 411+418+422)	197.683	197.683	0	100,0%
4	Hàng tồn kho	1.435	1.279	-156	89,1%
5	Nợ phải thu	21.374	17.998	-3.376	84,2%
	<i>Trong đó: - Nợ phải thu khó đòi</i>	<i>18.601</i>	<i>18.810</i>	<i>209</i>	<i>101,1%</i>
	<i>- Nợ phải thu ngắn hạn</i>	<i>20.860</i>	<i>17.484</i>	<i>-3.376</i>	<i>83,8%</i>
6	Nợ phải trả	77.304	69.613	-7.691	90,1%
	<i>Trong đó: - Nợ phải trả ngắn hạn</i>	<i>52.701</i>	<i>51.979</i>	<i>-722</i>	<i>98,6%</i>
7	Tổng doanh thu	73.477	59.605	-13.872	81,1%
8	Lợi nhuận trước thuế	-2.270	2.605	4.875	
9	Lợi nhuận sau thuế (LNST)	-2.270	2.605	4.875	
10	Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,32	0,30		
11	Hệ số nợ/Vốn CSH	0,39	0,35		
12	Tỷ suất LNST/VCSH (ROE)	-1,15%	1,32%		
13	Tỷ suất LNST/Doanh thu (ROS)	-3,09%	4,37%		
14	Hệ số thanh toán hiện thời	1,16	1,07		
15	Hệ số thanh toán nhanh	1,13	1,05		

(Nguồn số liệu theo báo cáo tài chính Quý II năm 2017, 2018 của công ty mẹ)

2. Đánh giá tình hình tài chính tại doanh nghiệp 6 tháng đầu năm 2018

2.1. Tình hình tài chính

- Tổng tài sản của công ty là 232.727 triệu đồng, giảm 4,7% so với cùng kỳ năm 2017.

- Nợ phải thu là 17.998 triệu đồng, giảm 15,8% so với cùng kỳ năm 2017; trong đó, nợ phải thu khó đòi là 18.810 triệu đồng.

- Nguồn vốn chủ sở hữu của công ty là 163.115 triệu đồng, giảm 2,2% so với cùng kỳ năm 2017.

- Nợ phải trả là 69.613, giảm 9,9% so với cùng kỳ năm 2017; trong đó, nợ phải trả ngắn hạn là 51.979 triệu đồng, giảm 1,4% so với cùng kỳ năm 2017.

2.2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Tổng doanh thu thực hiện là 59.605 triệu đồng, giảm 19,9% so với cùng kỳ năm 2017, đạt 39,5% so với kế hoạch giao.

- Lợi nhuận sau thuế TNDN là 2.605 triệu đồng, đạt 53,5% so với kế hoạch giao.

2.3. Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán, cân đối nợ

- Hệ số thanh toán hiện thời của công ty là 1,07 lần. Điều này cho thấy công ty đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn.

- Hệ số nợ trên tổng tài sản của công ty là 0,3 (nghĩa là cứ 100 đồng đầu tư tài sản có 30 đồng đầu tư bằng nguồn vốn vay và nguồn vốn chiếm dụng).

- Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu của công ty mẹ là 0,35 (nghĩa là cứ 100 đồng chủ sở hữu đưa vào kinh doanh có 35 đồng là vốn huy động từ bên ngoài và vốn chiếm dụng).

3. Đánh giá về quản lý, hiệu quả sử dụng vốn tại doanh nghiệp có vốn góp

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu là 1,32%.

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu đạt 4,37%.

4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách

Công ty tuân thủ (không bị xử phạt hành chính) và chấp hành các quy định về chính sách thuế, chính sách tiền lương và các chính sách khác; thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước.

5. Kết luận của chủ sở hữu

Trong 6 tháng đầu năm 2018, Công ty kinh doanh có lãi nhưng nhìn chung tình hình hoạt động kinh doanh của công ty vẫn chưa có sự thay đổi theo chiều hướng tốt, lỗ lũy kế tính đến ngày 30/6/2018 là 34.569 triệu đồng.

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 11 tháng 9 năm 2018



K. CHỦ TỊCH
BỘ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Long

BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Chủ sở hữu phần vốn góp nhà nước: UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Năm báo cáo: 6 tháng đầu 2018

1. Thông tin chung:

Vốn điều lệ Công ty là 350.000 triệu đồng, trong đó vốn nhà nước là 236.912 triệu đồng chiếm tỷ lệ 67,69% vốn điều lệ.

2. Chi tiết đánh giá của chủ sở hữu phần vốn góp nhà nước:

2.1. Bảng phân tích số liệu:

Đvt: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 6 tháng		So sánh	
		2017	2018	Giá trị	%
		2		3=2-1	4=2/1
1	Tổng cộng tài sản	1.077.181	1.118.340	41.158	103,82%
	<i>Trong đó: Tài sản ngắn hạn</i>	495.894	519.132	23.238	104,69%
2	Nguồn vốn chủ sở hữu	407.634	399.674	-7.960	98,05%
	<i>Trong đó: Vốn CSH</i>	366.686	367.554	868	100,24%
3	Tổng doanh thu	159.126	108.310	-50.816	68,07%
	<i>Trong đó:</i>				
	- Doanh thu hoạt động SXKD	158.211	108.068	-50.143	68,31%
	- Doanh thu hoạt động tài chính	373	1.440	1.067	385,98%
4	Tổng chi phí	157.140	114.947	-42.193	73,15%
	<i>Trong đó:</i>				
	- Chi phí hoạt động SXKD	146.934	97.801	-49.133	66,56%
	- Chi phí hoạt động tài chính	9.594	10.935	1.340	113,97%
5	Lợi nhuận trước thuế	1.986	-6.638	-8.624	
6	Chi phí thuế TNDN	684	9	-675	1,27%
7	Lợi nhuận sau thuế TNDN (LNST)	1.302	-6.647	-7.949	
8	Nợ phải thu ngắn hạn	210.049	217.073	7.024	103,34%
9	Nợ phải trả ngắn hạn	388.091	499.614	111.523	128,74%
10	Hàng tồn kho	237.690	217.073	-20.617	91,33%
11	Hệ số nợ/tổng tài sản	0,36	0,64		
12	Hệ số nợ/nguồn vốn CSH	1,06	1,80		
13	Tỷ suất LNST/vốn CSH	0,4%	-1,7%		
14	Tỷ suất LNST/doanh thu	0,8%	-6,1%		
15	Hệ số thanh toán hiện thời	1,28	0,96		
16	Hệ số thanh toán nhanh	0,67	0,54		
17	Hệ số bảo toàn vốn		1,00		

(Nguồn số liệu theo BCTC hợp nhất Quý II năm 2017, 2018 của công ty đã soát xét)

2.2. Đánh giá tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp có vốn góp:

a. Tình hình tài chính:

- Tổng tài sản hợp nhất của Công ty trong 6 tháng đầu năm 2018 là 1.118.340 triệu đồng, bằng 103,82% so với cùng kỳ năm 2017.

- Nợ phải thu ngắn hạn là 217.073 triệu đồng, bằng 103,34% so với cùng kỳ năm 2017.

- Nguồn vốn chủ sở hữu hợp nhất của Công ty trong 6 tháng đầu năm 2018 là 399.674 triệu đồng, bằng 98,05% so với cùng kỳ năm 2017.

Nợ phải trả ngắn hạn là 499.614 triệu đồng, bằng 128,74% so với cùng kỳ năm 2017.

- Hệ số thanh toán hiện thời của công ty mẹ là 0,96 lần. Điều này cho thấy công ty không đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn.

- Hệ số nợ trên tổng tài sản của công ty mẹ là 0,64 nghĩa là cứ 100 đồng đầu tư tài sản có 64 đồng đầu tư bằng nguồn vốn vay và nguồn vốn chiếm dụng.

- Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu theo số liệu báo cáo của công ty mẹ là 1,8 nghĩa là cứ 1 đồng chủ sở hữu đưa vào kinh doanh có 1,8 đồng là vốn huy động từ bên ngoài và vốn chiếm dụng.

b. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Tổng doanh thu thực hiện 6 tháng đầu năm 2018 của công ty là 108.068 triệu đồng bằng 68,07% so với cùng kỳ năm 2017, đạt 21,24% tổng doanh thu kế hoạch năm 2018 đã được chủ sở hữu giao.

- Trong 6 tháng năm 2018, Công ty có khoản lỗ sau thuế là 6.647 triệu đồng.

2.3. Đánh giá về quản lý, hiệu quả sử dụng vốn tại doanh nghiệp có vốn góp

a. Hiệu quả sử dụng vốn và khả năng sinh lời:

Công ty sử dụng vốn không hiệu quả thể hiện qua khoản lỗ lũy kế trong 6 tháng năm 2018.

b. Tình hình thu nộp Ngân sách:

- Số phát sinh phải nộp ngân sách hợp nhất 6 tháng đầu năm 2018 của công ty là 8.825 triệu đồng.

2.4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách

Công ty tuân thủ (không bị xử phạt hành chính) và chấp hành các quy định về chính sách thuế, chính sách tiền lương và các chính sách khác; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách nhà nước. Công ty lập và nộp đầy đủ, đúng hạn các báo cáo theo yêu cầu của cơ quan quản lý tài chính.

3. Kết luận của chủ sở hữu:

Đến thời điểm 30/6/2018, Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh chưa hiệu quả; nợ phải trả vẫn còn chiếm tỷ lệ lớn trong cơ cấu nguồn vốn, khả năng trả nợ còn thấp.

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 11 tháng 9 năm 2018



K. CHỦ TỊCH
H. CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Long